TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 247/2021/HC-PT
Ngày 25/11/2021
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn và ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 247/2021/TLPT-HC ngày 02/8/2021 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 467/2021/QĐ-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Đinh Thế C, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Trần Đình A, sinh năm 1996; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Nguyễn Thành L -Công ty Luật TNHH MTV V, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T.

- *Người đại diện theo ủy quyền* là ông Trần Trung H (Phó Chủ tịch UBND thành phố T), vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

1. Ông Phạm Thế M (Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Ông Phạm Văn T (Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T), vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Thanh B (Chủ tịch UBND xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Đinh Thế C trình bày:

Theo *Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế* lập ngày 02/4/2019 tại Văn phòng công chứng L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, thì ông Đinh Thế C là người thừa kế di sản của cụ Đinh Thị T (mẹ ông C) đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 12, diện tích 220,7m^2 tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên ngày 10/6/2019, ông C nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 220,7m^2 đất, tại thửa số 113, tờ bản đồ số 12, thôn H, xã T, nhưng bị trả lại hồ sơ. Ngày 16/9/2020, ông C nhận được Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của UBND thành phố T trả lời UBND thành phố T chỉ đồng ý cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất sử dụng trước ngày 15/10/1993 và có đăng ký theo Nghị định 64/CP là 119,1m^2, không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 101,6m^2. Ông C cho rằng Công văn số 1718 TNMT ngày 01/9/2020 của UBND thành phố T không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông C vì cụ T là chủ sử dụng đất hợp pháp, có nhà ở trên đất, thời điểm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hàng năm nên đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai 2013 với toàn bộ diện tích đất ở đang sử dụng là 220,7m^2. Việc Quy hoạch sử dụng đất không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất và thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất đối với toàn bộ diện tích 220,7m^2 đất, tại thửa số 113, tờ bản đồ số 12, thôn H, xã T, thành phố T cho ông C.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Ông Đinh Thế C sử dụng đất là do nhận thừa kế của hộ cụ Đinh Thị T (mẹ ông C) theo *Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế* số 1017, quyển số 01TP/CCSCC/HĐCĐ ngày 02/4/2019 tại Văn phòng công chứng L, thành phố T. Hộ cụ Đinh Thị T sử dụng đất ổn định, xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993, theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 11, diện tích 255m^2 loại đất ở và vườn, phần diện tích giảm do hộ cụ T chuyển nhượng một phần (135,9m^2 đất vườn) cho hộ ông Trần Văn T, phần diện tích tăng do hộ cụ T sử dụng ổn định trồng cây trên một phần thửa đất số 262, tờ bản đồ số 11, diện tích 13.474,0m^2 loại đất RTs (Rừng sản xuất) và một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11, diện tích 200m^2 loại đất CLN (cây lâu năm) và đất công ích do UBND xã T quản lý. Hộ cụ T không có hợp đồng thuê đất với UBND xã T và sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm ổn định từ trước ngày 01/7/2004 đến nay. Ngày 12/5/2020, Thanh tra thành phố T có Kết luận thanh tra số 62/KL-TTr kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhiều trường hợp (trong đó có hộ cụ T) không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do đó, UBND thành phố thống nhất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông C đối với phần diện tích đất sử dụng trước ngày 15/10/1993 và có đăng ký trong hồ sơ 64/CP, riêng phần diện tích hộ ông C tự khai phá đất do UBND xã T quản lý mà trong hồ sơ 64/CP là đất RTS và nằm trong Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020 (được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐUBND ngày 11/01/2017) hoặc Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018) thì không thống nhất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Với các lý do trên, UBND thành phố T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Căn cứ Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 19 Nghị định 3/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thế C [yêu cầu hủy Công văn số 718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn công dân tại xã T, thành phố T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 12, diện tích 220,7m^2 tại thôn H, xã T, thành phố T cho ông Đinh Thế C theo đúng quy định của pháp luật].

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đinh Thế C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002561 ngày 22/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

- Ngày 11 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được Đơn của ông Đinh Thế C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện (ông Đinh Thế C) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bị kiện (vắng mặt).

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Phiên tòa phúc thẩm đã mở nhiều lần, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng ông Phạm Thế M - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

cho người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người khởi kiện đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện.

[2] Ông C nộp hồ sơ xin cấp quyền sử dụng diện tích 220,7m^2 đất, thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 12, thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam với lý do ông C là người thừa kế di sản của cụ Đinh Thị T (mẹ ông C) theo *Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế* lập ngày 02/4/2019 tại Văn phòng công chứng L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Tại Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T thông báo chỉ đồng ý cấp cho ông C quyền sử dụng một phần diện tích thửa đất 113. Ngày 25/9/2020, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của UBND thành phố T và buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích 220,7m^2 thuộc thửa đất 113 cho ông C. Căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của UBND thành phố T là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện, ông C khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Về nội dung:

[3] Xét nguồn gốc và quá trình kê khai đăng ký sử dụng thửa đất số 113, tờ bản đồ số 12, diện tích 220,7m^2 thì thấy: tại *Biên bản họp khu dân cư* và *Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư* do UBND xã T tiến hành ngày 22/12/2018 (bút lục 49 - 52) thì các hộ dân xác nhận thửa đất 113, tờ bản đồ số 12 do hộ cụ Đinh Thị T sử dụng ổn định, xây dựng nhà trước ngày 15/10/1993 và bà T kê khai theo hồ sơ 64/CP năm 1998 của UBND xã T đối với thửa 282, tờ bản đồ 11, diện tích 255m^2; hộ cụ T đã chuyển nhượng 135,9m^2 đất vườn cho hộ ông Trần Văn T, diện tích còn lại là 119,1m^2 hộ cụ T sử dụng ổn định có nhà ở; quá trình sử dụng đất hộ cụ T mở rộng ra phía sau diện tích 101,6m^2 để trồng cây, trước tháng 7/2004. UBND xã T và UBND thành phố T xác định diện tích 101,6m^2 mà hộ cụ T mở rộng ra phía sau này theo hồ sơ 64/CP là thuộc một phần thửa đất số 262, tờ bản đồ số 11, diện tích 13.474m^2 loại đất RTs (rừng sản xuất) và một phần thửa 293, tờ bản đồ số 11 diện tích 200m^2 loại đất CLN (cây lâu năm) và đất công ích do UBND xã T quản lý.

[4] Xét, đối với diện tích 119,lm^2 hộ cụ T còn lại sau khi chuyển nhượng cho hộ ông Trần Văn T thì cụ T kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP và được UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng ổn định có nhà ở, không có tranh chấp từ trước 15/10/1993; do đó, tại Công văn 1718 UBND ngày 01/9/2020 UBND thành phố T đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C (người thừa kế di sản của cụ T theo *Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế* lập ngày 02/4/2019 tại Văn phòng công chứng L, thành phố T) là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét, đối với diện tích 101,6m^2 đất do hộ cụ T mở rộng ra phía sau để trồng cây lâu năm trước ngày 01/7/2004 thì Hồ sơ 64/CP thể hiện diện tích 101,6m^2 đất này thuộc một phần của thửa đất số 262, tờ bản đồ số 11, diện tích 13.474m^2 loại đất RTs (rừng sản xuất) và một phần của thửa đất số 293, tờ bản đồ

số 11, diện tích 200m^2 loại đất CLN (cây lâu năm) và đất công ích do UBND xã T quản lý. Tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định *"Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn"* thuộc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hơn nữa, diện tích 101,6m^2 đất này có một phần là đất RTs (rừng sản xuất) nằm trong Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020 đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 hoặc Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018; vì các lý do trên, UBND xã T không đồng ý lập hồ sơ đề xuất, UBND thành phố T không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 101,6m^2 đất này cho ông C là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu hủy Công văn số 1718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của UBND thành phố T {không đồng ý cấp cho ông C quyền sử dụng 101,6m^2 đất thuộc một phần thửa số 262, tờ bản đồ số 11, diện tích 13474m^2 loại đất RTs và một phần của thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11, diện tích 200m^2, loại đất CLN là đất công ích do UBND xã T quản lý} là có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Đinh Thế C kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Đinh Thế C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Thế C [yêu cầu hủy Công văn số 718/UBND-TNMT ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời đơn công dân tại xã T, thành phố T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 12, diện tích 220,7m^2 tại thôn H, xã T, thành phố T cho ông Đinh Thế C theo đúng quy định của pháp luật].

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đinh Thế C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002561 ngày 22/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam thì ông C đã thi hành xong khoản tiền này.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Ông Đinh Thế C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002675 ngày 21/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam thì ông C đã thi hành xong khoản tiền này..

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân